

Mật Tạng Bộ 1 _ No.882 (Tr.380 _ Tr.383)

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG
_ QUYỀN THỨ MƯỜI HAI _

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc
Khanh_ Truyền Pháp Đại Sư, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bầy tôi là) nhóm THI HỘ
phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

GIÁNG TAM THỂ MẠN NOA LA QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ
PHẦN THỨ SÁU_ CHI KHÁC

Tiếp, lại tuyên nói Ấn Tướng thông dụng trong **Giáng Tam Thể Đại Mạn Noa
La** (Triloka-vijaya-mahā-maṇḍala)

_ Hết thầy **Giáng Tam Thể Ấn Khế** (Triloka-vijayā-mudrā)

Ấy là **Kim Cương Thắng Tam Muội** (Vajrāgra-samaya)

Chữ Hồng Kim Cương, các Chú Minh (Vajra-HUM-kāra-mantrasya)

Sát Na hay ban các thành tựu (Sarva-siddhipradā kṣaṇāt)

_ Ngón út như câu (móc câu) hai cùng kết

Hai Kim Cương Quyền trên lại dưới

Đây tên **Tam Muội Câu Thắng Ấn** (Samayāṃkuśa-mudrā)

Sát na câu triệu khắp tất cả (Sarvam ākarṣayet kṣaṇāt)

Tối Tôn Thượng (Uttamānām) trong **tất cả Minh** (Sarva-vidya)

Ấy là **Giáng Tam Thể Chú Minh** (Triloka-vijayā-vidya)

Khiến khắp tất cả sinh yêu kính

Khéo làm tất cả **thắng sự nghiệp** (Sarva-karmāgrā)

_ Hai ngón Kim Cương đều dựng đầu

Cùng hợp kín đáo mà **Đẳng Dẫn** (Samāhita)

Ấn này tên là **Kim Cương Khởi** (Vajrottiṣṭha)

Khiến các kẻ chết được sống lại (utthāpayen mṛtam)

_ Trước hai Kim Cương dựng ngón trở

Tiếp lại kết thành **Kim Cương Phộc** (Vajra-bandha)

Sau nên xoay chuyển, an đỉnh đầu

Tăng trưởng thọ mệnh được an vui

_ Hai tay nên kết Kim Cương Phộc

Dựng hai ngón cái vào trong Phộc

Bền kín ngón trở lại hơi co

Ràng buộc chân (Luy túc), làm thể Câu Triệu

_ Muốn Giáng Phục, bàn chân trái đạp

Ỗ Pháp an bày hình tượng ấy

Kết Giáng Tam Thể Ấn tương ứng

Trong nửa vành trăng được thành tựu

_ Hai tay nên kết **Kim Cương Ấn** (Vajra-mudrā)

Ấn đó, trong đây cùng **đâm đánh** (Taḍa)

Chỗ ứng giáng phục **thân hữu tình** (Sattva-kāyaṃ)

Khiến cảnh ngộ khắp cùng đâm nhau

_ Hai tay nên kết Kim Cương Ấn
Lại hai ngón trở ràng buộc nhau
Ấn đó **Ta Người** (tự tha) làm **Giáp Trụ** (Kavacaṃ)
Được tất cả Thời thường **ủng hộ** (Rakṣa)
_ Ngang chông nên làm Kim Cương Phộc
Bền kín ngón cái như Kim Cương
Che dấu Ấn khởi tâm giận dữ
Được **Kim Cương Bộ Đại Thành Trụ** (Siddhyed vajra-kulaṃ mahat)
_ **Tát Đỏa Kim Cương bền chắc làm** (Sattva-vajraṃ dṛḍhī-kr̥tya)
Kèm hai ngón cái ở ngón giữa
Mở ngón út như **cửa Kim Cương** (Vajra-mukha)
Lợi Tam Muội Ấn (Tikṣṇa-samaya-mudrā) đây đã nhiếp
_ Hai tay nên kết Kim Cương Ấn
Co hai ngón trở mà móc kết
Làm thế cầm mũi tên như ứng
Câu triệu chư Thiên, đây tối thượng (Devākaraṣaṇam uttamam)
_ Bền chắc nên làm Kim Cương Phộc
Co hai ngón trở cùng hợp nhau
Ngón cái ép phụ khoảng ngón giữa
Đây tức **Phi Hành Tam Muội Ấn** (Antarīkṣiṇām-samaya-mudrā)
_ Hai tay nên kết Kim Cương Ấn
Đem hai ngón út cùng kết nhau
Kèm nhau sau lưng hai ngón trở
Xoay chuyền cũng là **Phi Hành Ấn** (Kha-cāriṇam- mudrā)
_ Bền chắc nên làm **Kim Cương Hộ** (Vajra-rakṣam)
Dùng Kim Cương Phộc mà ép phụ
Đây tên **Địa Hành Tam Muội Ấn** (Bhaumānām samaya-mudrā)
Tất cả chỗ làm chẳng trái vượt
_ Hai tay nên kết Kim Cương Ấn
Ngón trở Kim Cương, tả (bên trái) ép phụ
Tức lại ngón trở mở khắp cả
Đây hay **câu triệu** (Ākaraṣaṇī) Chúng **Địa Cư** (Pātāta)
_ Hai tay nên kết Kim Cương Phộc
Dùng hai ngón trở mà bền kín
Ngón giữa, ngón cái như Kim Cương
Ấn này hay phá các điều ác (Duṣṭa-mudrā-prabhañjakaṃ)
_ Hai tay nên kết Kim Cương Ấn
Ấn đó an tim mà **Đẳng Dẫn**
Dùng **Phẫn Nộ Quyền** (Krodha-muṣṭim) ép phụ thời
Hay phá các Đàn Pháp Tà Ngoại (Bāhya-maṇḍala-nāsanī)
_ Tay trái ngón Kim Cương dấu nhiếp
Tay phải, ngón trở hơi co lại
Sau lại giận dữ đều mở khắp
Núi Tu Di (Sumeru) ấy còn hay hoại
_ Tay trái ngón Kim Cương dấu nhiếp
Tay phải, ngón trở hơi co lại
Khởi tâm giận dữ đều câu triệu
Tất cả **Chấp Diệu** (Grahāṃ) đều kính yêu

_ Hai tay cùng hợp Kim Cương Phộc
Hai cánh tay bèn chắc ở tim
Đề hai ngón trở nơi hai nách
Móc loài ác ấy, tâm phá hoại
_ Lại hai mặt ngón trở hướng nhau
Khởi ý giận dữ cùng ép phụ
Sau hai ngón cái vịn hai gốc
Câu triệu phá hoại **bệnh sốt rét** (Jvāra)
_ Bền chắc nên làm **Kim Cương Chưởng** (Vajrāñjalim)
Tiếp lại co hai ngón trở ấy
Sau hai ngón cái cũng hợp nhau
Ấn đó hay **phá các nẻo ác** (Pāpa-hāriṇī)
_ Trước đem hai ngón trở cùng kết
Sau Kim Cương Ấn vào trong ấy
Nâng Ấn, sát na hay bay lên
Chư Hữu bị đọa, cũng hay khởi
_ Lại làm Kim Cương Phộc bền chắc
Tiếp hai mặt ngón giữa hợp nhau
Mặt bốn ngón khác, **trong** (nội) chẳng dính
Ấn đó, **sát na đập các tội** (Pāpaṃ sphoṭayati kṣaṇāt)

Tiếp, lại tuyên nói Ấn Tướng đã dùng trong **Nhất Thiết Như Lai Mạn Noa La Pháp** (Sarva-tathāgata-maṇḍala-sādhana)

_ **Giăng Mạn Noa La** (Sūtrayan maṇḍalam), trước nên dùng
Kết Trí Quyền, **Kim Cương Ấn** (Vajra-mudrā) ấy
Tiếp sau cầm dây dùng Ấn đồng
Đây nói tức Ấn giảng Đàn ấy
_ Dựng hai ngón trở cùng hợp nhau
Hai tay nên kết Kim Cương Ấn
Ấn đó, năm màu cùng gia trì
Làm **Quang Minh Thị** (Dīpta-dṛṣṭi: nhìn sáng tỏ) hay triệu khắp
_ Hai tay đều dựng ngón Kim Cương
Tiếp lại bền chắc ngửa hợp nhau
Làm tướng giận dữ đánh đâm ấy
Khai Môn Đàn Ấn (Dvārodghāṭanam), đây **tối thượng** (Uttamam)

_ Tiếp lại nói **Chư Kim Cương Bộ Nhất Thiết Ấn Thành Tụ Pháp** (Sarva-vajra-kula-sarva-mudrā-sādhanam)

Làm xong **Kim Cương Bộ** (Vajra-kula) đã làm
Khéo chuyển **Kim Cương Phần Nộ Ngữ** (Vajra-krodha-vācā)
Phần Nộ Thị (Krodha-dṛṣṭi: nhìn giận dữ) lại mặt giận dữ
Tất cả sự nghiệp đều thành tựu (Sarva-karmāṇi sādheyed)

PHẦN NỘ BÍ MẬT ÁN MẠN NOA LA QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ
(Krodha-guhya-mudrā-maṇḍala-vidhi-vistara)

_ PHẦN THỨ BẢY _

Bây giờ, Cù ĐứC Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát lại nhập vào **Nhất Thiết Kim Cương Tổng Trì Tam Muội Xuất Sinh Kim Cương Gia Trì Tam Ma Địa** (Sarva-vajra-dhāraṇī-samaya-sambhava-vajrādhiṣṭhānaṃ samādhi) tuyên nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** (Sva-vidyottamām) là:

“**Án, tát lý-phộc phộc nhật-lý ni, phộc nhật-la, ma đế, a na dã (1) tát lý-phộc phộc nhật-la tát đế na, hồng, nhược (2)**”

ॐ स र्व वज्र म वज्र म त्र ज य स र्व वज्र म त्र य हूं ॐ

*)OM SARVA-VAJRINI VAJRA-MATE-ĀNAYA SARVA-VAJRA-SATYENA HŪM JAḤ

Lúc nói Đại Minh đó thời, từ trái tim của Cù ĐứC Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát hiện ra tượng **Kim Cương Thủ** với tất cả thân tướng ngang bằng với Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát không có khác, liền thành **Kim Cương Phần Nộ Bí Mật Tam Muội Ấn** (Vajra-krodha-guhyā-samaya-mudrā). **Hiện Thánh** (Devatā) hiện ra xong, ở tất cả Thế Giới hoàn thành sự nghiệp của tất cả Như Lai, lại làm thành tựu các việc ẩn hiển thuộc **Minh Phi bí mật** (Guhyā-bhāryā) của Cù ĐứC Kim Cương Tát Đỏa. Do **thân ngữ tâm Kim Cương** (Kāya-vāk-citta-vajra) đó thành **ảnh tượng** (Bimbaṃ) xong, ở trong vành trăng tương ứng **Giáng Tam Thế Đại Mạn Noa La** (Triloka-vijaya-mahā-maṇḍala) của ĐứC Thế Tôn Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai, như Lý mà trụ. Nói Tụng (Udāna) này là:

“Lớn thay! Tất cả Chính Giác Tôn

Đại Trí bí mật mà vô thượng

Làm thành Như Lai Diệu Lạc Nhân (Nhân an vui màu nhiệm của Như Lai)

Kim Cương Minh Phi (Vajra-bhāryā) *nghĩa là*”

Khi ấy, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát lại nói **Bản Bộ Tam Muội Ấn Kim Cương Tam Muội Bí Mật Mạn Noa La** (Sva-kula-samaya-mudrā-vajra-samaya-guhyā-maṇḍala). Tụng là:

_Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói

Tối Thượng Kim Cương Mạn Noa La (Vajra-maṇḍalam uttamam)

Tướng ấy giống như Kim Cương Giới

Phần Nộ Bí Mật (Krodha-guhyam) nên đây nói

Y Đại Mạn Noa La (Mahā-maṇḍala) Pháp Dụng

Như Giáo, **giảng các Mạn Noa La** (Sūtrayet sarva-maṇḍalam)

Năm Mạn Noa La (Pañca-maṇḍala) y Pháp an

Mỗi đều bày xếp **Ấn bí mật** (Guhyā-mudrān)

_Khoảng giữa Kim Cương Mạn Noa La

Y Pháp an bày **hình tượng Phật** (buddha-bimban)

Với **chúng Phần Nộ Tam Muội** (Krodha-samayān) ấy

Bạc Trí (Buddhaḥ) như ứng, y Pháp vẽ

_Dùng **bước Kim Cương** (Vajra-vega) mà tiến dần

Bày **Kim Cương Thủ Mạn Noa La** (Vajra-pāṇi-maṇḍala)

Trong đó, giáp vòng ứng, trước vẽ

Kim Cương Xoa (Śūla-vajraṃ: cây Xoa Kim Cương) với **chày Kim Cương** (Vajraṃ)

Trong đó lại vẽ **ánh lửa rực** (Jvālā)

Như đã nói ấy, y thứ tự

Chày Kim Cương (Vajraṃ) với **Kim Cương Câu** (Vajrāmkuśa: móc câu Kim Cương)

Kim Cương Tiền (Vajra-vāṇam: mũi tên Kim Cương) kèm tướng búng tay

_Dùng bước Kim Cương mà tiến dần

Nam: Bày Mạn Noa La thứ hai

Y Pháp vẽ **Bảo Kim Cương Tôn** (Vajra-ratnam)

Ở trong Đại Luân mà an trí

Kim Cương Tần My (Vajra-bhṛkuṭī) tức **Bảo Tướng** (Ratna-ketu)

Kim Cương Nhật Luân (Vajra-sūryam) kèm **Bảo Tràng** (Ratna-dhvajam)

Các **răng** (Danta) bày hàng như Kim Cương

Ở giáp vòng ấy nên tô vẽ

_Dùng bước Kim Cương mà tiến dần

Tây: bày Mạn Noa La thứ ba

Vi Diệu **Kim Cương Liên Hoa Tôn** (Vajra-padmam)

Vẽ trong hoa sen ấy, an trí

Ở trong lửa rực lại nên vẽ (Jvālā-madhye likhet)

Liên Hoa (Padma), **Kiểm** (Khaḍga) với **Kim Cương Luân** (Vajra-cakra)

Kim Cương Thiệt (Vajra-jīhva) ấy cũng như ứng

Ở giáp vòng ấy nên tô vẽ

_Dùng bước Kim Cương mà tiến dần

Bắc: Bày Mạn Noa La thứ tư

Y trong Pháp vẽ **chày Kim Cương** (Vajram)

Giáp vòng cũng vẽ chày, ánh sáng

Ở bốn mặt ấy lại nên vẽ

Ánh lửa lớn kín đáo rực rỡ

Xảo Nghiệp Kim Cương (Viśva-karma-vajram) kèm **Giáp Trụ** (Kavacam)

Kim Cương Nha (Vajra-daṁṣṭra), **Quyền** (Muṣṭim) thứ tự vẽ

Góc Đàn với ngoài, chỗ an trí

Y Pháp như ứng, nên tô vẽ

_Nay Ta tiếp nói Tội Thượng ấy

Các **Ấn Đại Minh** (Mudrā-vidyah) như thứ tự

Chủng Tử Đại Minh là:

“**Án, phộc nhật-la cốt-lỗ đà, tam ma duệ, tề**”

ॐ वज्रक्रोडसमये (ॐ)

*)OM_VAJRA-KRODHA-SAMAYE_JHI

(Bản khác ghi nhận là: **Om_vajra-krodha-samaye siḥ**)

“**Án, phộc nhật-la, lỗ sam cô xá-dã, na dã, tát lý-tông, tề**”

ॐ वज्ररोषंक्रुशयसर्वसि (ॐ)

*)OM_VAJRA-ROṢĀMKUŚAYA_ĀNAYA SARVĀM_JHI

(Bản khác ghi nhận là: **Om_vajra-roṣān:kyśyānaya sarva siḥ**)

“**Án, phộc nhật-la, lỗ thi ca ma, phộc nhật-ly ni (1) phộc thương di, a na dạ hi, tề (2)**”

ॐ वज्ररोषीकामवज्रिणवसाममेअनायाहि (ॐ)

*)OM_VAJRA-ROṢĪ_KĀMA-VAJRINI VAŚAM ME ĀNAYĀHI_JHI

(Bản khác ghi nhận là: **Om_vajra-roṣe-karma-vajriṇi vaśam me ānaya hi siḥ**)

“**Án, phộc nhật-la, đồ sắt-trí, cốt-lỗ đà, đô sa dã, tát lý-phộc ni, tề**”

ॐ वज्रतुष्टिक्रोधे तोषया सर्वानि जिह

*)OM_VAJRA-TUṢṬI-KRODHE TOṢAYA SARVĀNI_JHI
(Bản khác ghi nhận là: Om_vajra-tuṣṭi-krodhe toṣya sarvāṇi siḥ)

Đây tên là Kim Cương Tề Tụ Mạn Noa La (Vajra-JHI-kāra-maṇḍala, hay Vajra-SIÑ-kāra-maṇḍala)

Tiếp lại Chủng Tử Đại Minh là:

“Nhĩ”

ॐ

JH

(Bản khác ghi nhận là: JIH)

“Án, phộc nhật-la, bột-lý cô trí, cốt-lỗ đề (1) ha la, tát lý-phộc lý-thang, nhĩ (2)”

ॐ वज्रभृकुटिक्रोधे हारा सर्वार्थाम् जिह

*)OM_VAJRA-BHRĪKUṬI KRODHE HARA SARVĀRTHAM_JI
(Bản khác ghi nhận là: Om_vajra-bhṛkuṭi krodhe hara sarvārtha Jiḥ)

“Án, phộc nhật-la, nhập-phộc la, ma la, bát-la tỳ (1) ma hạ cốt-lỗ đà, ngật-nê, nhập-phộc la dã, tát lý-tông, la vĩ, lỗ thi, nhĩ (2)”

ॐ वज्रज्वालामालाप्रबहे महाक्रोधह्नि ज्वालाया सर्वाम् राविरोशि जिह

*)OM_VAJRA-JVALA-MĀLĀ-PRABHE MAHĀ-KRODHĀGNI JVALĀYA SARVĀM RAVI-ROṢĪ_JI

(Bản khác ghi nhận là: Om_vajra-jvālā-māla-prabhe mahā-krodhāgni-jvālaya, sarva viroṣe Jiḥ)

“Án, phộc nhật-la, đặc-phộc nhạ, nga-la, kế dụ lý, ma hạ cốt-lỗ đề (1) nỉ hứ, di, tát lý-tông, nhĩ (2)”

ॐ वज्रध्वजग्राकेयुरी महाक्रोधे देहि मे सर्वाम् जिह

*)OM_VAJRA-DHVAJĀGRA KEYŪRĪ MAHĀ-KRODHE DEHI ME SARVAM_JI

(Bản khác ghi nhận là: Om_vajra-dhvajāgra-keyūra mahā-krodhe dehi me sarvaṃ Jiḥ)

“Án, phộc nhật-la, tra hạ tất nê (1) ha sa, ha sa, tra tra hạ tây na, ma la dã, nhĩ (2)”

ॐ वज्रहसनमहासहस्रमाराय जिह

*)OM_VAJRA-AṬṬA-HĀSINI HASA AṬṬA-HĀSENA MĀRĀYA_JI
(Bản khác ghi nhận là: Om_vajrāṭṭa-hāsani hasāṭṭa-hāsane mārāya Jiḥ)

Đây tên là Kim Cương Nhĩ Tụ Mạn Noa La (Vajra-JI-kāra-maṇḍala, hay Vajra-JIÑ-kāra-maṇḍala)

Tiếp lại Chủng Tử Đại Minh là:

“Án, phộc nhật-la, thuật đà, cốt-lỗ đề (1) hát na, ma la dã, tát lý-phộc nột sắt-điểm, nỉ (2)”

ॐ वज्रसुद्धक्रोदहनारयासर्वदुष्टं

*)OM_VAJRA-ŚUDDHA-KRODHE HANA MĀRĀYA SARVA DUṢṬĀM
_DHI

(Bản khác ghi nhận là: Om_vajra-śuddha krodhe hana mārāya duṣṭān Dih)

“Án, phộc nhật-la, đích sát-noa, cốt-lỗ đề (1) thân na, phộc nhật-la, cô thi na, tát lý-tông, ni (2)”

ॐ वज्रतिक्ष्णक्रोदहचिन्द्रावज्रकोशेनार्वामधि

*)OM_VAJRA-TĪKṢṆA KRODHE CCHINDA VAJRA-KOŚENA
SARVĀM_DHI

(Bản khác ghi nhận là: Om_vajra-tīkṣṇa krodhe cchinda vajra-kośena sarvān Dih)

“Án, phộc nhật-la, hệ đồ, ma hạ cốt-lỗ đề (1) bát-la vĩ xá, tác cật-lãm, bát-la phệ thiết dã, tát lý-tông, ni (2)”

ॐ वज्रहेतुमहाक्रोदप्रवेशाचक्रप्रवेशार्वामधि

*)OM_VAJRA-HETU MAHĀ-KRODHE PRAVEŚA CAKRAṀ PRAVEŚA
SARVĀM_DHI

(Bản khác ghi nhận là: Om_vajra-hetu mahā-krodhe praveśa cakra praveśa sarvān Dih)

“Án, phộc nhật-la, nhĩ hát-phộc, ma hạ cốt-lỗ đà (1) bà thi, phộc chế, môn tả, ni (2)”

ॐ वज्रजिह्वमहाक्रोदभषिवाचमुन्काधि

*)OM_VAJRA-JIHVA MAHĀ-KRODHA BHĀṢI VĀCE MUÑCA_DHI

(Bản khác ghi nhận là: Om_vajra-jihve mahā-krodha bhāṣe vācaṃ muñca Dih)

Đây tên là Kim Cương Nữ Tự Mạn Noa La (Vajra-DHI-kāra-maṇḍala, hay Vajra-DĪN-kāra-maṇḍala)

Tiếp lại **Chủng Tử Đại Minh** là:

“Hột-nê”

ॐ ह्र

*)HRD

(Bản khác ghi nhận là: HNIH)

“Án, tát lý-phộc mục khế, cát lý-ma phộc nhật-la ni, ma hạ cốt-lỗ đề (1) cô lỗ, tát lý-tông, hột-nê (2)”

ॐ सर्वमुक्हेकार्मावज्रिणीमहाक्रोदकुरुसर्वं ह्रि

*)OM_SARVA-MUKHE KARMA-VAJRAṆI MAHĀ-KRODHE KURU
SARVĀM_HRD

(Bản khác ghi nhận là: Om_sarva-mukhe karma-vajriṇi mahā-krodhe kuru sarvān Hnih)

“Án, phộc nhật-la cát la tả, cốt-lỗ đề (1) lạc xoa hàm, hột-nê (2)”

ॐ वज्रकवचक्रोदमहो ह्रि

*)OM_ VAJRA-KAVACA KRODHE RAKṢA-MĀM_ HRD
(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra-kavaca krodhe rakṣa mām Hnih**)

“**Án, tán noa cõt-lõ đề, ma hạ dục tra ni (1) phộc nhật-la, năng sắt-tra-la, cát la la, tỳ sa ni (2) tỳ sa bát dã, hột-nê (3)**”

ॐ वज्रकवचमन्त्रं क्रोधे क्रूरं शिष्या शिष्यं कुरु

*)OM_ CAṆḌA-KRODHE MAHĀ-YAKṢIṆĪ VAJRA-DAMṢṬRA KARĀLA BHĪṢAṆĪ BHĪṢĀPAYA_ HRD

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ caṇḍa-krodhe mahā-yakṣiṇi vajra-damṣṭra karāla bhīṣaṇi bhīṣāpaya Hnih**)

“**Án, phộc nhật-la cõt-lõ đà, mầu sắt-trí, mần đà, hột-nê**”

ॐ वज्रकवचमन्त्रं क्रोधे क्रूरं कुरु

*)OM_ VAJRA-KRODHA MUṢṬI BANDHA_ HRD

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra-krodhe muṣṭi-bandha Hnih**)

Đây tên là **Kim Cương Hột Nê Tự Mạn Noa La** (Vajra-HRD-kāra maṇḍala, hay Vajra-HNIṆ-kāra-maṇḍala)

_Tiếp, nói **Mạn Noa La Ngung Kim Cương Bí Mật Cúng Đường Hiền Thánh Căn Bản Đại Minh** (Koṇa-maṇḍaleṣu vajra-nṛṭya-guhya-pūjā-vidyā-hṛdayāni) là:

“**Phộc nhật-la, hồng, khiết-ninh**”

ॐ वज्रं विही

*)VAJRA HŪM KHANĪ

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra hūm Khnem**)

“**Phộc nhật-la, hồng, không**”

ॐ वज्रं कुं

*)VAJRA HŪM KUM

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra hūm Ghūm**)

“**Phộc nhật-la, hồng, đĩnh**”

ॐ वज्रं धिं

*)VAJRA HŪM DHIM

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra hūm Tem**)

“**Phộc nhật-la, hồng, tất-đĩnh**”

ॐ वज्रं सिद्धिं

*)VAJRA HŪM SIDDHIM

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra hūm Stem**)

_Tiếp nói **Ngoại Ngung Ca Nhạc Cúng Đường Hiền Thánh Đại Minh** (Bahih-koṇeṣu tūrya-pūjā-hṛdayāni) là:

“**Phộc nhật-la, đế đế**”

ॐ वज्रं तित

*)VAJRA-GĪTE

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra Tī Te**)

“Phộc nhật-la, nghiêm tra”

𑖀𑖄𑖔𑖄

*)VAJRA-GHAMTA

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ_vajra Tam Tah**)

“Phộc nhật-la, đà đồng”

𑖀𑖄𑖔𑖄𑖄

*)VAJRA-DHĀTUM

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ_vajra Dhā Dhū**)

“Phộc nhật-la, truân đà”

𑖀𑖄𑖔𑖄𑖄

*)VAJRA-SAUDHA

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ_vajra Dhau Dhaḥ**)

_Tiếp, nói **Hộ Môn Cúng Đường Hiền Thánh Đại Minh** (Dvāra-pālānām pūjā-hṛdayāni) là:

“Phộc nhật-la, nhược nhược”

𑖀𑖄𑖔𑖄𑖄𑖄

*)VAJRA JAḤ JAḤ

“Phộc nhật-la, hồng hồng”

𑖀𑖄𑖔𑖄𑖄𑖄

*)VAJRA HŪM HŪM

“Phộc nhật-la, tông tông”

𑖀𑖄𑖔𑖄𑖄𑖄

*)VAJRA VAM VAM

“Phộc nhật-la, ác ác”

𑖀𑖄𑖔𑖄𑖄𑖄

*)VAJRA AḤ AḤ

_Lại nữa, **Nghi Quỹ Nhập Đẳng** (Praveśa-vidhi-vistara) trong **Kim Cương Bộ bí Mật Mạn Noa La** (Vajra-kula-guhya-maṇḍala) tức là hết thầy Pháp Dụng như vậy đều như **Pháp Nghi Dẫn Nhập của Giáng Tam Thế Mạn Noa La** (Triloka-vijaya-mahā-maṇḍala-praveśa-vidhinā)

Kim Cương A Xà Lê (Vajrācārya) như vậy vào xong, liền dùng **Kim cương Bí Mật Kim Cương Bộ Tam Muội Ấn** (Vajra-guhya-vajra-kula-samaya-mudrā), **Đôi Ấn** (Prati-mudrā), **Tiểu Ấn** (Upa-mudrā), **Trí Ấn** (Jñāna-mudrā)... làm việc **Hiện Tiền Chấp Kim Cương Cúng Đường** (Vajra-dhāra-pūjārthaṃ) ấy, đó là các tác dụng của nhóm xoay múa (Nṛtya), tức là **Đôi Vũ** (Prati-nṛtya), **Tiểu Vũ** (Upa-nṛtya), **Trí Vũ** (Jñāna-nṛtyopahārah) của việc xoay múa như vậy, đây là **Tác Dụng Trí Ấn** (Upahāra-jñāna-mudrā)

Nói là: Trước tiên dùng **Kim Cương Giới Nhiếp Thọ Tâm Minh** (Vajra-dhātu-saṃgraha-hṛdayaṃ-vidya) với **Kim Cương Ca** (Vajra-gīta) ca vịnh xung tán tất cả

Như Lai. Làm xong, sau đó Kim Cương A Xà Lê cần phải mở bày **Tát Đỏa Kim Cương Ấn** (Sattva-vajri-mudrā) Sau nên dùng chỗ nên vào (sở ứng nhập) của **Nhập Ấn** (Praviṣṭa-mudrā) hiện tiền dẫn vào

Nên y Pháp **Kim Cương Tuyên Vũ** (Vajra-nṛtya)

Liên dùng hai tay, ngón phần nộ

Y Pháp, nên ở khoảng tim mình

Kết **Giáng Tam Thế Đại Ấn** (Vajra-Hūṃ-kāra-mudrām) ấy

Sau đó xoay múa như Nghi Quỹ

Dùng **Kim Cương Phần Nộ Câu** (Vajra-krodhāṃkuśa) ấy

Câu triệu khắp cả các Như Lai (Ākarṣayat sarva-buddhān)

Nâng **Kim Cương Tiền** (Vajra-vāṇa), tướng khéo bản

Do Kim Cương Tiền khéo bản nên

Liên được **Kim Cương Hỷ** (Vajra-tuṣṭyā) thành tựu

_Tiếp nên **giải Ấn** (Muktvā mudrām) như đã nói

Ngang chường kết Phộc mà đập vỗ

Đại Nghi Quỹ Cúng Dường như vậy

Sẽ được Kim Cương Thủ vui vẻ

Do Nhân vui vẻ của Thánh Tôn

Sát na, thành tựu việc ưa thích (Sādhayed rucitaḥ kṣaṇāt)

Tam Muội Ấn Đại Minh của nhóm này là:

“**Tát đình-dạ, phộc nhật-la**”

𑖀𑖔𑖥 𑖔𑖥

*)SIDDHIYA VAJRA

“**A na dã, phộc nhật-la**”

𑖀𑖔𑖥 𑖔𑖥

*)ĀNAYA VAJRA

“**La nga dã, phộc nhật-la**”

𑖀𑖔𑖥 𑖔𑖥

*)RĀGAYA VAJRA

“**Sa độ, phộc nhật-la**”

𑖀𑖔𑖥 𑖔𑖥

*)SĀDHU VAJRA

_Tiếp nên dùng **Đối Vũ Tác Dụng Sự** (Prati-nṛtyopahārah) ấy cúng dường

Cũng như tướng Kim Cương Tuyên Vũ

Tay trái nên nắm quyền tay phải

Xoay chuyển, quay về an trước trán

Ngón trở tiếp nên để ở miệng

Xoay múa (Nṛtyam) lại làm **tướng Nhật Luân** (Sūryam)

Ấn đó xoay chuyển hay triệu khắp

_Tiếp nên dựng lập **Kim Cương Tràng** (Vajra-ketum)

Làm tướng cười vui, **Kim Cương Tiểu** (vajrātṭahāsayā)

Đại Nghi Quỹ cúng dường như vậy

Hay khiến nhóm quốc vương, mọi người

Đều sinh kính yêu **Tuệ Uy Quang** (Su-tejas)
Hoặc cho tài bảo, hoặc **vui vẻ** (Toṣa)

Đôi Ấn Đại Minh (Prati-mudrā-hṛdayāni)của nhóm này là:
“A hứ, phộc nhật-la”

𑖠𑖩𑖫𑖬𑖭

*)ĀHI VAJRA

“Nhập-phộc la dã, phộc nhật-la”

𑖠𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯

*)JVALĀYA VAJRA

“Nỉ hứ, phộc nhật-la”

𑖠𑖩𑖫𑖬𑖭

*)DEHI VAJRA

“Ha sa ha sa, phộc nhật-la”

𑖠𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱

*)HASA HASA VAJRA

_ Tiếp lại **giải tướng xoay múa** (Nṛtyaṃ muktvā) ấy

Hai quyền ngang kín cùng hợp nhau

Ngón trở lại an ở khoảng tim

Đỉnh lễ, ý sinh nơi run sợ

_ Tiếp nên lại làm tướng xoay múa

Năng Đoạn Kim Cương Lợi Kiếm Tôn

Xoay chuyển tướng ấy, lại như Luân

Đây là tướng xoay chuyển **Luân Đàn** (Cakra-maṇḍalam)

_ Dùng **Kim Cương Ngữ** (Vajra-vācā) Diệu Ca Vịnh

Cúng dường Kim Cương Thủ Thánh Tôn

Đại Pháp Nghi cúng dường như vậy

Tất cả cứu cánh được thành tựu

Tiểu Ấn Đại Minh (Upamudrā-hṛdayāni)của nhóm này là:

“Ca dã, phộc nhật-la”

𑖠𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮

*)KĀYA VAJRA

(Bản khác ghi nhận là: **Kāmaya vajra**)

“Thân na dã, phộc nhật-la”

𑖠𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯

*)CCHINDĀYA VAJRA

“Bột-la ma dã, phộc nhật-la”

𑖠𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰

*)BHRĀMAYA VAJRA

“**Một-lỗ hứ, phộc nhật-la**”

𑖀𑖄𑖆𑖇

*)BRŪHI VAJRA

_ Tiếp dựng **Kim Cương Phần Nộ Chỉ** (Vajra-krodhāṅgulī)

Liên lại giữa khởi mặt cùng hợp

Sau lại xoay chuyển để đỉnh đầu

Ngón trở quay lại, trụ **cửa miệng** (Mukha: khẩu môn)

_ **Kim Cương Yết Ma** (Vajra-karma) y Pháp dùng

Làm các sự nghiệp **Thắng Đàn Trường** (Sarva-kāryāgra-maṇḍalam)

Hiện bày tùy ứng **Nghi xoay múa** (Nṛtya-vidhinā)

Sau lại an trí ở tim mình

_ Y Pháp tiếp nên làm xoay múa

Kết Phộc đó là **Kim Cương Hộ** (Vajra-rakṣam)

Cùng hợp hai tay **Kim Cương Nha** (Vajra-damṣṭra)

Hai Kim Cương Quyền cùng ép phụ

_ Đại Pháp Nghi cúng dường như vậy

Hãy thành **tất cả Pháp Yết Ma** (Sarva-karma)

Như vậy **bốn loại Nghi Cúng Dường** (Catur-vidhām pūjām)

Giải Ấn (Mudrām muñca) như ứng, y Bản Giáo

Trí Ấn Đại Minh của nhóm này là:

“**Niết-lý đa, phộc nhật-la**”

𑖀𑖄𑖆𑖇

*)NRTYA VAJRA

“**Lạc xoa, phộc nhật-la**”

𑖀𑖄𑖆𑖇

*)RAKṢA VAJRA

“**Kha na, phộc nhật-la**”

𑖀𑖄𑖆𑖇

*)KHĀDA VAJRA

“**Mãn đà, phộc nhật-la**”

𑖀𑖄𑖆𑖇

*)BANDHA VAJRA

Tiếp lại dạy truyền **Phần Nộ Kim Cương Ấn Trí** (Krodha-guhya-mudrā-jñānam:
Phận Nộ Bí Mật Ấn Trí)

_ Hai tay cầm **chày Kim Cương** (Vajram) ấy

Khởi ý phần nộ (Krodha-mānasah), tác phá hoại

Tùy muốn phá người, tên gọi là....

Dùng chày đã cầm, phá tim ấy

_ Môi dưới phụ răng cùng hợp nhau

Tùy muốn phá người, nên đập ép

Nếu có người trái vượt **Giáo Sắc** (Ajñam)

Mau sẽ phá hoại đầu đỉnh ấy

Kim Cương Phần Nộ Đại Quán Thi (Vajra-krodha-mahā-dṛṣṭyā)

Hai mắt tùy ứng khoảng nháy mắt

Đã muốn phá người, liền nên quán

Ấy tức hai mắt đều phá hoại

Kim Cương Phần Nộ (Vajra-krodha) tương hợp nên

Ở trong tim mình, quán thân mình (Hṛdayaṃ svayam ātmanā)

Dùng Kim Cương Phộc, khoảng ép phụ

Tức tim kẻ ác bị phá hoại

Đại Minh của nhóm này là:

“Hồng, phộc nhật-la, tắc-bố tra, xá”

ॐ वज्र ष्टो०

*)HŪM_ VAJRA-SPHOṬA ṬHA

“Hồng, mục kha, phộc nhật-la, xá”

ॐ मुख वज्र ०

*)HŪM_ MUKHA-VAJRA ṬHA

“Hồng, phộc nhật-la, nê đát-la, xá”

ॐ वज्र नेत्र ०

*)HŪM VAJRA-NETRA ṬHA

“Hồng, ma nễ, phộc nhật-la, xá”

ॐ मन वज्र ०

*)HŪM_ MANO-VAJRA ṬHA

(Bản khác thay chữ ṬHA bằng chữ ṬHAḤ)

Tiếp, lại dạy truyền **Đại Kim Cương Bộ Bí Mật Ấn Trí** (mahā-vajra-kula-guhyā-mudrā-jñānaṃ) Trong đây, trước hết nên **kết Đại Ấn** (mahā-mudrā bandha)

An bày Kim Cương Phần Nộ Quyền (Vajra-krodhāṃ)

Hai tay, ngón út cùng móc kết

Tay trái, tướng **Tam Xoa** (Trisūla) an lưng

Đây tên **Giáng Tam Thế Đại Ấn** (Triloka-vijaya-mahā-mudrā)

Tay trái, tiếp duỗi giương ngón trở

Liền dùng ngón này ngay trên khởi

Sau nên xoay chuyển lại cũng thế

Quay về mặt trái, trụ Kim Cương

Ngang chưởng nên làm Kim Cương Phộc

Khởi ý giận dữ mà ấn che

Dựng chắc ngón cái như Kim Cương

Phần Nộ Đế Lý Đế Lý Ấn (Krodha Terintiri-mudrā)

Nắm quyền, trước co hai ngón trở

Tức hai ngón lại như tướng câu (móc câu)

Hai mặt ngón trở như Kim Cương

Sau hai ngón trở, tướng búng tay

Hai mặt ngón trở như Kim Cương

Trong tim lại bày tướng Nhật Luân

Dựng hai ngón trở an đỉnh đầu

Xoay chuyển quay về đến Tiểu Xứ (chỗ lúm đồng tiền)

_ Dựng hai ngón trở, tướng buộc kín

Hai quyền giống như thế cầm kiếm

Cùng hợp hai ngón trở như Luân

Dựng hai ngón cái hướng miệng bung

_ Tiếp lại nên duỗi hai ngón trở

Sau hai ngón trở ràng **Kỳ Lệ** (?Gale: như cô họng)

Hai tay như nanh trụ bên miệng

Bền kín hai tay thành tướng Quyền

Như vậy phân biệt thứ tự **Đại Ấn** (Mahā-mudrā)

Tiếp kết **Kim Cương Bộ Bí Mật Tam Muội Ấn** (Vajra-kula-guhya-samaya-mudrā)

_ Từ **Quyền bí mật** (Guhya-muṣṭi) đã sinh ra

Đây nói đó tức các **Tam Muội** (Samaya)

Nay Ta nói Nghi **Thành Kết** (Bandham) ấy

Mà **Kim Cương kết Thắng Vô Thượng** (Vajra-bandham anuttaram)

_ Trước đem hai quyền an ở tim

Tiếp lại hai quyền để hai hông (hông sườn)

Câu triệu cầm Tên (mũi tên) **đều bên trái** (Vāṇākarsā tu vāmataḥ)

Sau lại từ tim mà khởi bung

_ Tiếp **Tần My Tôn** (Bhṛkuṭiḥ) bấu xoay chuyển

Sau nên làm tướng Nhật Luân ấy

Duỗi cánh tay cũng an trên đỉnh

Xoay chuyển quay về đến **Tiểu Xứ** (Smita-sthā: chỗ lúm đồng tiền)

_ Hai quyền hướng miệng khéo an bày

Tiếp cầm kiếm bén, tướng khua múa

Dưới ném Luân ấy, tướng biểu thị

Sau lại hai quyền hướng miệng bung

_ **Thân Mạn Noa La** (Kāya-maṇḍala) Đỉnh tối thắng

Hai **vai** (Skandha), tiếp **tim** (Hṛdi), lại hai **hông** (Pārśva: hông sườn)

Làm **Kim Cương Hộ** (Vajra-rakṣa) lại cũng thế

Tướng nanh (Daṃṣṭrā), quyền bên chặc ép phụ

_ **Ngoại Mạn Noa La** (Bāhya-maṇḍala) các **Ấn Khế** (Mudrā)

Trong Kết (Bandhe) **tiêu xí** (Cihna) như thứ tự

Đây tức **Tam Muội Kim Cương Phộc** (Samayā vajra-bandhena)

Với **Kim Cương Quyền** (Vajra-muṣṭi) cũng như vậy

Tiếp, lại tuyên nói **Kim Cương Bộ Pháp Ấn** (Vajra-kula-guhya-dharma-mudrā):
Kim Cương Bộ Bí Mật Pháp Ấn) Ấy là:

“**Phát tra**”

𑖀𑖄

*)PHAT

(Bản khác ghi nhận là: **Pha tṭaḥ**)

“**Thiệt tra**”

𑖀𑖄𑖅

*)ŚAT

(Bản khác ghi nhận là: **Sa tṭaḥ**)

“Ma tra”

𑖓𑖥

*)MAT

(Bản khác ghi nhận là: **Ma tṭaḥ**)

“Tát tra”

𑖓𑖦

*)SAT

(Bản khác ghi nhận là: **Sa tṭaḥ**)

“La tra”

𑖓𑖧

*)RAT

(Bản khác ghi nhận là: **Ra tṭaḥ**)

“Đát tra”

𑖓𑖨

*)TAT

(Bản khác ghi nhận là: **Ta tṭaḥ**)

“Đê-lý tra”

𑖓𑖩

*)DHRT

(Bản khác ghi nhận là: **Ghṛ tṭaḥ**)

“Hát tra”

𑖓𑖪

*)HAT

(Bản khác ghi nhận là: **Ha tṭaḥ**)

“Bát tra”

𑖓𑖫

*)PAT

(Bản khác ghi nhận là: **Pa tṭaḥ**)

“Đát-la tra”

𑖓𑖬

*)TRAT

(Bản khác ghi nhận là: **Tra tṭaḥ**)

“Cát tra”

𑖓𑖭

*)KAT

(Bản khác ghi nhận là: **Ka tṭaḥ** kèm theo **Dha tṭaḥ**)

“Phộc tra”

𑖔𑖑

*)VAT

(Bản khác ghi nhận câu này ở phần cuối cùng là: **Va tṭah**)

“Cô tra”

𑖔𑖑

*)KUT

(Bản khác ghi nhận là: **Ku tṭah**)

“Lý tra”

𑖔𑖑

*)RIT

(Bản khác ghi nhận là: **Ri tṭah**)

“Khiết tra”

𑖔𑖑

*)KHAT

(Bản khác ghi nhận là: **Kha tṭah**)

“Vị tra”

𑖔𑖑

*)VIT

(Bản khác không có câu này)

_Tiếp kết **Kim Cương Bộ Bí Mật Yết Ma Án** (Vajra-kula-guhya-karma-mudrā)

Thứ tự hét thầy **Yết Ma Án** (Karma-mudrāh)

Là **Kim Cương Quyền** (Vajra-muṣṭir), y Pháp làm

Y Giáo tùy chỗ, như ứng an

Giận dữ (Krodha-ḍṛṣṭyā: nhìn phẫn nộ) tức là **Pháp Phẫn Nộ** (Suroṣavān)

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIỆP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỂN THỨ MƯỜI HAI (Hết)